



Biểu tượng lưỡng hợp trong truyện cổ các nước Đông Nam Á

Nguyễn Việt Hùng^{a*}

^a Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Email: viethungspn@yahoo.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

02/7/2017

Ngày duyệt đăng:

10/3/2018

Từ khoá:

Đông Nam Á;

biểu tượng lưỡng hợp.

Tóm tắt

Đông Nam Á là khu vực địa lí - văn hóa riêng biệt, là một trong những chiếc nôi của nền văn minh nhân loại. Hướng tiếp cận khu vực học đối với Đông Nam Á đã và đang diễn ra sôi nổi, gợi mở nhiều vấn đề khoa học, trong đó tiếp cận văn hóa khu vực thông qua hệ thống biểu tượng giúp ta tìm hiểu tâm thức cộng đồng các dân tộc. Văn hóa Đông Nam Á không chỉ có những biểu tượng đơn lập mà còn tồn tại những cặp biểu tượng sóng đôi - chúng tôi gọi là biểu tượng lưỡng hợp - như là kết quả của hình thức tư duy đặc thù của khu vực: Tư duy lưỡng hợp (dualisme). Trong bài báo này chúng tôi tìm hiểu cách thức dân gian Đông Nam Á tạo ra các biểu tượng lưỡng hợp trong truyện cổ Đông Nam Á và ý nghĩa của chúng, gắn với các nền văn hóa cụ thể, riêng biệt.

1. Đặt vấn đề

Đông Nam Á là khu vực địa lí - văn hóa riêng biệt, là một trong những chiếc nôi của nền văn minh nhân loại. Hướng tiếp cận khu vực học đối với Đông Nam Á đã và đang diễn ra sôi nổi, gợi mở nhiều vấn đề khoa học, trong đó tiếp cận văn hóa khu vực thông qua hệ thống biểu tượng giúp ta tìm hiểu tâm thức cộng đồng các dân tộc. Văn hóa Đông Nam Á không chỉ có những biểu tượng đơn lập mà còn tồn tại những cặp biểu tượng sóng đôi - chúng tôi gọi là biểu tượng lưỡng hợp - như là kết quả của hình thức tư duy đặc thù của khu vực: *Tư duy lưỡng hợp* (dualisme).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư duy lưỡng hợp và triết lí âm dương

Đối với cư dân trồng lúa nước, các yếu tố tự nhiên thường xuyên tác động đến đời sống, sản xuất của họ: Mặt trời chiếu sáng, mặt đất nuôi dưỡng, nắng mưa, lũ lụt, hạn hán... Họ thấy các yếu tố đó phân cặp một cách tự nhiên, thay nhau hoặc đồng thời cùng tác động qua lại. Trong ý niệm của họ mô hình dung từng yếu tố vừa hoà hợp vừa xung khắc với nhau và họ nhìn sự vật, hiện tượng đều có hai mặt, tính chất hai chiều, hai đặc tính. Những ý niệm,

cảm quan đầu tiên đó là cơ sở hình thành tư duy lưỡng hợp và sau này khái quát thành những biểu tượng. “*Con người nhận ra mối tương quan sự vật đối lập lẫn nhau, có mối quan hệ nhân quả: mặt trời - mặt trăng, ngày - đêm, sáng - tối, đực - cái, người - vật, đàn ông - đàn bà... Tư duy tổng hợp và biện chứng nguyên sơ ấy tạo thành phương pháp mà các nhà khoa học gọi là tư duy lưỡng hợp*”. [1/967]

Người xưa quan niệm hai mặt “âm - dương” tương sinh - tương khắc với nhau, có thể trong cùng một vật hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau: Dương (Đàn ông, trời, nóng, trước mặt...) và Âm (đất, đàn bà, lạnh, sau lưng...), âm và dương có sự chuyển hoá, trong âm có dương và ngược lại. Trên cơ sở thực tại đó, các biểu tượng vừa tồn tại dưới dạng đơn lập vừa ở dạng lưỡng phân - lưỡng hợp, chúng tôi gọi là **biểu tượng lưỡng hợp**. Nhưng không phải là biểu tượng lưỡng hợp trong văn hoá dân gian Đông Nam Á là sự tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa cổ đại mà chúng ta phải thấy rằng triết học Âm - Dương hình thành từ những tư duy lưỡng hợp đầu tiên, là sự khái quát thành học thuyết triết học cảm quan, thế giới quan của người nguyên thủy. Hơn nữa, khu vực Đông Nam Á tiền sử bao gồm cả vùng Hoa

Hạ nên không tránh khỏi sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Có thể nói, tư duy lưỡng hợp là hình thức tư duy ra đời sớm nhất, gắn với cư dân nông nghiệp trồng lúa nước và biểu tượng lưỡng hợp không những chứa đựng nội dung triết lí, quan niệm mà còn chứa đựng truyền thống văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc. Chúng tôi bước đầu khẳng định tư duy lưỡng hợp, biểu tượng lưỡng hợp là sản phẩm đầu tiên, độc đáo và đầy sức hấp dẫn của các dân tộc Đông Nam Á. “*Sông - Núi; Đất - Nước; Đồng bằng - Biển. Đó là những cặp nhị nguyên tương phản, là những thành tố môi sinh nhân văn Đông Nam Á mà như J.Prozylusky khi bàn về văn hóa Đông Nam Á đã nêu ra những đặc trưng về phương diện tinh thần là nhị nguyên vũ trụ*”. [3/43]

2.2. Biểu tượng lưỡng hợp trong văn hoá Đông Nam Á

Trong hệ thống thần thoại, truyền thuyết vùng Đông Nam Á, nổi bật lên là những biểu tượng mang tính lưỡng hợp, đã thể hiện những “cặp đôi” bên nhau vừa thống nhất vừa đối lập, tương khắc tương sinh tạo nên sự hài hoà, đăng đối đồng thời cũng nảy sinh nhiều tình huống thú vị. Có khi đó là tính lưỡng thể trong cùng một vị thần sáng tạo thế giới (*Thần thoại Kachin - Myanmar*), có khi là hai thế lực đối lập, đấu tranh với nhau một cách quyết liệt (*Sơn Tinh - Thủy Tinh*), có khi là sự kết duyên hoà hợp huyết thống trong thế tương khắc của hai giống nòi khác nhau (*Lạc Long Quân - Âu Cơ*), có khi là sự kết hợp tuyệt vời của trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn qua hình tượng “thanh gươm tháo rời” hay sự lưỡng hợp về văn hoá, tôn giáo ngoại lai với yếu tố bản địa...

Những biểu tượng lưỡng hợp đó biểu hiện một trình độ tư duy nhất định của người nguyên thủy - tư duy thần thoại. Tư duy thần thoại của các nước Đông Nam Á là tư duy của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, loại tư duy đặc thù tạo nên những biểu tượng lưỡng hợp giàu sức gợi cảm mang trong đó cả tinh thần thiêng liêng, sức sống mãnh liệt của truyền thống mỗi dân tộc. Những cư dân nông nghiệp nhìn vào mọi vật xung quanh họ đều thấy những vật cặp đôi với nhau - một hiện tượng phổ biến mà họ chưa lí giải được hoặc lí giải một cách mơ hồ, võ đoán. *Mặt trời và mặt đất* đều tác động đến năng suất, mùa vụ cũng như vậy là *lũ lụt - hạn hán, mưa - nắng* hay những yếu tố ảnh hưởng đến sinh hoạt như *nóng - lạnh*, con người sinh ra có *cha - mẹ*, cũng như mọi vật tồn tại *đực - cái*... Tất cả đều quy về hai phạm trù: Âm - Dương (Đực - Cái; Trời - Đất...).

Bên cạnh những biểu tượng trong văn học, các biểu tượng lưỡng hợp cũng được chuyển hoá và phản

ánh trong ngôn ngữ. Ngôn ngữ của các dân tộc Đông Nam Á nói chung và tiếng Việt nói riêng đã phản ánh tư duy lưỡng hợp của cư dân vùng này qua những từ ghép đẳng lập: “đất nước”, “sông núi”, “non sông”. Sự kết hợp các từ trong tiếng Việt không phải là phép cộng số học của hai yếu tố (hai từ tố) mà trong đó bao hàm ý nghĩa rộng hơn, sâu sắc hơn. Mỗi ngọn núi, con sông mang dấu ấn của lịch sử, gắn với những thăng trầm, vận mệnh sinh tồn của dân tộc. Đó là biểu tượng lưỡng hợp mang tính chất thiêng liêng bất diệt. Không có dân tộc nào gọi mảnh đất, cộng đồng, lãnh thổ mình bằng sự kết hợp hai yếu tố, bằng hai danh từ “Đất” và “Nước”. Chính vì vậy với người Việt, “*non sông*”, “*đất nước*” đã trở thành biểu tượng sống đời về cộng đồng lãnh thổ của tổ quốc và là hình ảnh gợi cảm, thiêng liêng xúc động lòng người, là động lực để cố kết cộng đồng. Ngoài ra chúng ta cũng có thể tìm thấy biểu tượng lưỡng hợp trong kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ... ở mỗi ngôi đền, chùa có cặp biểu tượng sống đời không thể thiếu là “*chim hạc - rùa*”, “*ông thiện - ông ác*” ở những bức trạm trổ là “*rồng - phượng*”, “*long - hổ*”... Nói chung mỹ cảm của nhân dân Việt Nam ưa một sự cân đối, hài hoà, đăng đối. Thế tương tranh có khi bộc lộ khí phách, phẩm chất dũng mãnh, thế hoà hợp là mong muốn hoà bình, yên ấm. Những biểu tượng đó không chỉ là hình thức giải thích, một kiểu tư duy của người nguyên thủy mà vượt lên trên đó còn là niềm tin, sức sống tinh thần được tích hợp thành sức mạnh cụ thể nâng đỡ con người trong cuộc sống. Trong thời cổ, các tộc người xây dựng cho mình các biểu tượng riêng và tôn sùng nó, để tạo sự khẳng định, sáng tạo nên sức mạnh riêng.

2.3. Ý nghĩa biểu trưng của biểu tượng lưỡng hợp trong truyện cổ Đông Nam Á

2.3.1. Giải thích nguồn gốc thế giới, các hiện tượng tự nhiên

Cũng giống như một số nơi khác trên thế giới, mở đầu thần thoại suy nguyên Đông Nam Á giải thích vũ trụ gồm Bầu Trời và Mặt Đất. Họ cho rằng, ban đầu Trời - Đất rất gần nhau nhưng do một nguyên nhân nào đó mới cách xa nhau. Người Philippin giải thích bằng câu chuyện: ngày xưa Trời - Đất gần nhau lắm, chưa có Mặt Trời, Mặt Trăng, có hai vợ chồng nhà kia một lần đi làm về, già gạo để ăn. Anh chồng chạm tay vào bầu trời, tức giận anh kêu lên: “*Sao trời lại thấp thế này, hãy cao lên một chút để người ta đỡ vương khi già gạo*”. Nói xong bầu trời bỗng cao lên, mang theo chiếc lược, chiếc vòng của cô vợ treo ở đấy và cả cái bếp lò. Từ đó bầu trời có Mặt Trời (là cái bếp lò) Mặt Trăng (chiếc lược) và các vì sao (chiếc vòng). [4/25]

Người nguyên thủy nhận thức rằng, có hai yếu tố làm nên vũ trụ và giải thích sự hình thành Trời - Đất gắn liền với công việc lao động sản xuất. Ở đây là sự gắn bó đồng thời với quá trình chế biến lúa gạo, một đặc điểm riêng biệt chỉ có ở cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Điều này góp phần khẳng định Đông Nam Á là khu vực trồng lúa sớm nhất thế giới. Con người quan niệm thế giới hình thành không phải do ý tưởng sâu xa gì mà chỉ đơn thuần là kết quả (vô tình hoặc hữu ý) của con người lao động. Sáng tạo ra Trời - Đất cũng là con người hết sức bình thường, bằng công việc rất bình thường, quen thuộc. Từ đó người xưa nhận thức quan niệm có tính biện chứng: Lao động là cội nguồn của mọi sự sáng tạo và bước đầu hình thành ý niệm sự vật tương sinh, tương khắc. Con người thấy rằng có cả trời và đất cùng tác động đến sản xuất, ảnh hưởng đến năng suất; các yếu tố đó khi hoà hợp, khi mâu thuẫn. Các yếu tố đó được hình tượng, được nhân hoá như những con người mang đặc điểm, tính cách của con người: Lúc giận dữ là thiên tai, hạn hán, khi vui vẻ là bình yên, phẳng lặng.

Cũng giải thích về sự hình thành, xuất hiện Mặt Trăng, Mặt Trời, người Indônêxia có truyện "*Khổng lồ bắn mặt trời*". Truyện kể: ngày xưa có chín mặt trời cùng chiếu sáng gây ra hạn hán. Ba anh em khổng lồ đi bắn mặt trời. Họ bắn rơi bảy, còn hai mặt trời chạy thoát. Trong đó có một cái bị bắn trượt, chỉ còn ánh sáng mờ mờ. Hai mặt trời sợ quá lặn xuống biển, mọi người phải đi mời gọi. Từ đó hai mặt trời thay nhau chiếu sáng, mặt trời mờ chính là mặt trăng chiếu sáng ban đêm, có ngày và đêm. Khổng lồ phải canh giữ không cho mặt trời chạy mất, ra sức moi đất sâu xuống đào bới mảng đất ra biển khơi, những mảng đất đó là quần đảo Indônêxia. [4/54]

Truyện "*Khổng lồ bắn mặt trời*" cũng giống chuyện Chàng Quài, Lương Vung của Việt Nam (Truyện "*Hậu Nghệ*" của Trung Hoa có lẽ cũng phát sinh từ phía Nam Trung Quốc - vùng Đông Nam Á tiền sử?). Cơ sở của sự sáng tạo ra hình tượng đạt tới đỉnh cao của trí tưởng tượng, đó là niềm tự hào của người lao động thời cổ khi họ phát minh ra cung tên, vũ khí chủ yếu và có tác dụng to lớn. Những thần thoại đó khẳng định rằng xa xưa con người đã có ước mơ táo bạo: cải tạo khí hậu trên trái đất. Thần thoại đó phản ánh hạn hán thường xuyên xảy ra ở các nước Đông Nam Á. Tuy chịu ảnh hưởng của gió mùa nhưng do gần xích đạo, một số vùng trở nên khô hạn. Những biểu hiện như vậy của tự nhiên, người xưa không hiểu nổi và không chế ngự được. Cho nên, con người có xu hướng muốn lôi kéo các vị thần đứng về phía mình. Người ta sáng tạo ra hình tượng khổng lồ kì vĩ để giữ

gắm ước mơ chinh phục thiên nhiên. Họ đi từ quan niệm khác nhau, cuối cùng dẫn đến quan niệm lưỡng hợp: Từ chín còn hai mặt trời và có sự chuyển hoá lẫn nhau, từ dương sang âm (Mặt Trời thành Mặt Trăng), tạo ra sự hài hoà, cân đối trong thế tương hợp, vận xoay của vũ trụ.

Trong hệ thống thần thoại suy nguyên, người Việt giải thích thế giới gồm những mặt đối lập. Có thể cùng tồn tại trong một vị thần: Thần Bàn Cổ (người Dao): *Đầu ngài là trời/Chân ngài là đất*. Hình tượng đó thể hiện tính lưỡng thể, tính âm dương phối hợp trong cùng một thực thể thống nhất, sinh ra vũ trụ.

Các hiện tượng về hai vị thần nam - nữ sáng tạo ra Trời - Đất ở nhiều dân tộc chẳng qua là biểu hiện cụ thể của hai mặt thống nhất và đối lập trong tự nhiên và vũ trụ. Sự thống nhất và đối lập đó thể hiện sự nhất quán trong các hình tượng có tính chất sóng đôi với nhau (*trời - đất, trăng - sao, núi - sông*) những cảm quan trực tiếp cụ thể hình tượng trong sáng tạo thần thoại ban đầu được nâng lên thành biểu tượng khái quát, trừu tượng. Đó là sự ra đời, bước hình thành đầu tiên tư duy lôgic, tư duy khái quát, triết học, thể hiện sự phát triển tư duy của người xưa. Mà những biểu tượng sinh động cụ thể của nó là những biểu tượng lưỡng hợp: *trăng - trời (của người Dao); Ông Thu Tha - bà Thu Thiên (Mường); ông Kây Tây - bà Đá Kon Ké (Ba Na)...*

Trong thần thoại Việt Nam, thần linh không ngự trị những thần gắn với con người cụ thể, thì Sơn Tinh lại là vị thần tối cao, giống như Dớt với thần thoại Hy Lạp. Sơn Tinh là hiện thực và cũng là mơ ước ngàn đời của con người, người ta đã hình dung cuộc đấu tranh của mình với nạn lũ lụt bằng hai hình tượng có tính chất sóng đôi, đối lập nhau gay gắt, sóng mái cùng nhau: Sơn Tinh và Thủy Tinh. Họ giải thích thiên tai là kết quả của "*cuộc tình tay ba*", một cuộc thi tài và cầu hôn bất thành. Truyện đã thể hiện một trí tưởng tượng lãng mạn của nhân dân, sự tài tình của trí tuệ dân gian, đã đưa ra và cắt nghĩa việc to tát bằng một sự kiện rất đời thường. Tản Viên là biểu tượng liên kết sức mạnh của Đất và Nước, của các bộ tộc với nhau, của dân tộc Lạc Việt và Âu Lạc, của con người và thần thánh... Cuộc chiến tranh Sơn Tinh - Thủy Tinh là cuộc hợp hôn giữa Đất và Nước "*Nhiều năm tháng người nguyên thủy thấy: Đất nhờ mưa, nhờ nước mà nảy nở, sinh sôi, Nước thấm vào Đất, đất ôm ngậm lấy nước, nước hoà nhân trong đất, đất có chứa, đất đẻ, nảy nở muôn loài. Nhưng có lúc, nước dâng ngàn ngút, nước chảy phàm phàm, đất như đem hết sức mình cản nước lại, có khi đất thắng nhưng nhiều*

khi đất lở, đất đổ, đất thua. Đất và Nước luôn luôn đánh nhau”. Nhà giáo Vi Hồng đã phát hiện ra lớp nội dung ý nghĩa mới như vậy bên cạnh ý nghĩa phản ánh lũ lụt, và tục hôn nhân cướp vợ thời nguyên thủy. Như vậy là đã nắm bắt được tinh thần cốt lõi của biểu tượng lưỡng hợp trong truyện, dù tác giả không trực tiếp nhắc đến.

Đất và Nước là hai yếu tố vừa hoà hợp, vừa xung khắc, có thể sống yên bình, bao bọc, ôm ấp, chở che cho nhau, cũng có khi dẫn dỗi, tàn phá, huỷ diệt nhau. Đó là mối tình đẹp đẽ thơ mộng nhưng cũng đầy gian truân, sóng gió của tạo vật. Đất và Nước vừa tàn phá, vừa xây dựng, chung hợp sức lại sản sinh ra nền nông nghiệp.

Ngoài ra trong thần thoại Đông Nam Á về sự hình thành thế giới, rải rác xuất hiện các hiện tượng lưỡng phân hợp, nó không làm thành cốt lõi của truyện mà chỉ có ý nghĩa bổ sung và phần nào thể hiện quan niệm về các sự vật, hiện tượng. Đó là sự đối lập Nước - Lửa trong thần thoại Myanmar (“*Nguồn gốc thế giới*”): “*Bên ngoài núi Mêru và các đảo Nam - Bắc – Đông - Tây*” là một bức tranh lửa. Lửa bảo lửa sẽ đốt cháy các hòn đảo này, còn Nước thì bảo sẽ dìm chúng. Do vậy mà Nước và Lửa cứ tranh cãi nhau mãi, nhờ thế mà các đảo chẳng bị cháy mà cũng không bị lụt”. Hay truyện “*Cậu gón cái*” có đoạn: “*Từ thừa có ngày và đêm, mưa không ngừng đối nghịch với mặt trời và mưa sẵn sàng ủng hộ những ai đánh lại mặt trời, vì thế mưa xuất hiện và làm tắt lửa mặt trời*” [5/54]. Những thế lực đối địch nhau như vậy, giằng co giao tranh phản ánh hiện thực khốc liệt nhưng cũng đầy thơ và mộng.

Nhìn chung tư duy lưỡng hợp quan niệm thế giới trong sự đặng đỏi, hài hoà, có âm có dương, có đực có cái... và sự dung hợp là cội nguồn của sự sáng tạo. Vạn vật tương sinh tương khắc và con người cũng nằm trong vòng xoáy ấy, khi thì bình an, khi thì khốn khổ. Chính tư duy của những cư dân nông nghiệp đã đưa các vị thần lại gần cuộc sống của mình và dừng cảm nhận sự sáng tạo thế giới về mình. Trên cái nền chung của quá trình hình thành thế giới và lịch sử, cư dân mỗi nước biết gắn các thần thoại về thế giới với sự ra đời, hình thành của quốc gia dân tộc mình. Họ nâng quốc gia, dân tộc lên tầm vũ trụ, do đó dù biểu tượng giống nhau nhưng ở mỗi nước đều có đặc tính riêng, có nền văn hoá độc đáo của mình.

2.3.2. Biểu tượng lưỡng hợp gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc

Con người cho rằng nguồn gốc tổ tiên mình là một điều gì vừa linh thiêng vừa gần gũi, vừa cao đẹp, vừa bình dị, vừa mơ ước nhưng cũng rất hiện thực. Những

biểu tượng đẹp nhất về Tổ tiên ra đời, trong đó họ có thể tìm thấy cội nguồn, nơi phát tích, dòng giống và ý nghĩa thiêng liêng ẩn chứa. Ý thức về cội nguồn là điểm nổi bật và chung nhất trong tư duy nguyên thủy của các dân tộc Đông Nam Á.

Quan niệm về thế giới có âm- dương, có trời - đất, sông - núi, đực - cái mọi vật sinh thành từ hai yếu tố hợp lại hay phân ra, dẫn đến nhận thức về con người cũng vậy. Sinh ra con người cũng là một cặp, gồm cha và mẹ, mặc dù mỗi thời kì thì cha hay mẹ có sự khác nhau. Cũng như những biểu tượng về trời - đất, núi - sông... thường chung cho các dân tộc thì biểu tượng lưỡng hợp về nguồn gốc dân tộc mang đậm bản sắc, đặc điểm riêng của lịch sử, truyền thống, tâm lí của từng dân tộc. Tổ tiên của người Việt Nam là cặp biểu tượng rắn - chim (con Rồng cháu Tiên), Campuchia là Prea Thong - Neak (tinh Mặt Trời - Mặt Trăng), người Myanmar là hổ - cá sấu...

Ở Việt Nam, một trong những truyện hàng đầu là “*Lạc Long Quân - Âu Cơ*” mà người dân thường gọi với niềm tôn kính, tình yêu ruột thịt là “*bố Rồng, mẹ Tiên*”. Lạc Long Quân là nòi Rồng, sống ở miền sông nước, Âu Cơ là chim sống ở vùng núi cao. Sự kết hợp giữa Rồng và chim là cội nguồn sinh ra dân tộc Việt và có lẽ tên nước Âu Lạc cũng phản ánh điều đó. Trong truyện có cuộc hôn nhân của hai người nhưng đằng sau đó là sự hoà hợp huyết thống của các bộ tộc, bộ lạc khác nhau. Đó cũng có thể là sự di cư của dân tộc miền núi xuống đồng bằng màu mỡ. Sự chuyển biến sau đó tích tụ về miền đồng bằng là một trong những điều kiện để hình thành quốc gia, dân tộc. Có thể nói truyền thuyết “*Lạc Long Quân - Âu Cơ*” mang nhiều ý nghĩa biểu trưng, hàm chứa nội dung phong phú, sâu sắc.

Trước hết, truyền thuyết là sự giải thích một các lãng mạn, đầy tính thẩm mỹ về nguồn gốc dân tộc. Người Việt Nam tự hào mang trong mình lưu chảy hai dòng máu bố Rồng mẹ Tiên. Âu Cơ là biểu tượng Tiên có nguồn gốc loài chim (tên chim Âu), ở miền núi rừng thuộc tính dương; Lạc Long Quân là nòi Rồng (nguyên thủy là rắn) ở miền biển mang tính âm. Sự trái ngược đó phải chăng phản ánh chế độ mẫu hệ tồn tại trong thời gian đầu của lịch sử dân tộc. Sự hoà hợp giữa tình Núi và Nước, chim và rắn trong cuộc hôn nhân ly kì, lãng mạn đã sinh ra dân tộc Việt. Chính sự kết hợp của Tiên và Rồng nên Âu Cơ phải đẻ ra trứng. Một trăm trứng nở ra một trăm con, phân chia ra các vùng thành tổ tiên của các vùng đất Việt. Từ đó dân tộc Việt đều gọi nhau bằng hai tiếng thiêng liêng, thân thiết “*đồng bào*”, chứa đựng

trong đó cả truyền thống, tình nghĩa, tinh thần đoàn kết và niềm tự hào giống nòi.

Tuy nhiên, không có cặp đôi nào là hợp mãi hay phân mãi mà giữa chúng có sự chuyển hoá, biến đổi. Chính sự chuyển hoá, biến đổi ấy tạo nên động lực cho sự phát triển. Sự kiện chia con, Lạc Long Quân đem năm mươi con xuống biển, Âu Cơ mang năm mươi con lên rừng, phản ánh sự phân bố lãnh thổ đầu tiên, mở mang địa bàn cư trú và sản xuất. Hai hình tượng *Lạc Long Quân* và *Âu Cơ* là sự cụ thể hoá của hai biểu tượng, của sự lưỡng hợp “*Chim - Rắn*”. Truyện gắn với tín ngưỡng tô-tem giáo và bái vật giáo. Tô-tem giáo là tổ tiên cộng đồng người, không phải tổ tiên thực tế sinh ra cộng đồng người đó. Tô-tem cơ bản có tính biểu tượng, cộng đồng thể hiện qua quan hệ huyết thống.

Đối với cư dân Việt Nam, tô-tem là “*Rắn - Chim*” hai vật tổ, phản ánh địa bàn cư trú, quá trình tiến hoá của cộng đồng Việt.

Trước hết huyền thoại về chim có thể thấy ở nhiều dân tộc khác nhau trên đất Việt: Khome, Mường, Thái... Nói chung các truyện ngắn gọn, thể hiện cách giải thích ngây thơ về mối quan hệ giữa chim và người. Mối quan hệ đó có hai loại: Chim là ân nhân hoặc gây họa. Dù thế nào thì chim và người cũng có cùng dòng máu, người lấy tên chim làm tên họ cho mình và hình thành những tục lệ (họ Hà, họ Cầm...). Hầu hết các dân tộc đều có huyền thoại về chim tổ. Biểu tượng chim tổ hoàn chỉnh dưới hình thức tự sự và hình thành môtip: “*Bố + mẹ chim thành trượng thiêng*”.

Song song với huyền thoại về chim là huyền thoại về Rắn (biến thể là *thuồng luồng - cá sấu - rồng*) phổ biến ở nhiều vùng: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ... Truyện thường diễn ra ở dọc các triền sông. Ngay trong một biểu tượng rắn cũng mang tính chất lưỡng phân, lưỡng hợp. Huyền thoại Rắn thường kể một cặp rắn: *dài - cộc, đen - trắng*. Qua thời gian biểu tượng rắn ngày càng được chất lọc và hoàn chỉnh dưới dạng: ***Mẹ + bố Rắn đẻ ra trượng***.

Như vậy mỗi tộc người đều sáng tạo cho mình những biểu tượng riêng và tôn kính nó. Cư dân vùng đồng bằng thấp miền sông nước lấy biểu tượng rắn, cư dân miền núi cao lấy biểu tượng chim. Do đó, không tránh khỏi sự đối lập, mâu thuẫn, cộng đồng nào cũng bảo vệ và sùng bái biểu tượng riêng của mình. Ở nước ta, do vị trí địa hình, sông núi, đồng bằng và cao nguyên nằm cạnh nhau nên thiên tai và ngoại xâm thường xuyên đe dọa, cho nên các cộng đồng có nhu cầu đoàn kết, hoà hợp. Đây là cội nguồn của sự ra đời

liên minh bộ tộc, bộ lạc, hình thức tổ chức xã hội, nhà nước đầu tiên sơ khai và cũng là cơ sở nảy sinh những biểu tượng lưỡng hợp: *Chim - Rắn*, nhưng trước đó các tộc người *Chim - Núi, Rắn - Nước* đã có sự trao đổi văn hoá với nhau, sự phối hợp liên kết với nhau là một yếu tố tất yếu lịch sử, là một quá trình đấu tranh với đối phương và với chính mình rất lâu dài, khó khăn nhưng cũng hết sức tự nhiên, đồng thời quan hệ hôn nhân cũng nảy sinh, làm tăng thêm dân số, tăng sức mạnh và khối lượng sản phẩm. Lịch sử là một minh chứng cho nhận định đó, nhà nước Âu Lạc ra đời trên cơ sở hợp nhất Lạc Việt và Tây Âu. Xu thế vừa phân vừa hợp là chủ yếu, là một xu thế tất yếu và tiến bộ của lịch sử.

Có thể nói, biểu tượng “*Chim - Rắn*” rất phổ biến ở Đông Nam Á, song ở mỗi nước, biểu tượng đó lại gắn bó với những địa danh, những vùng đất, những tín ngưỡng thiêng liêng của con người. Một điểm đáng chú ý là văn hóa dân gian Việt Nam chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của văn hóa Trung Hoa. Cho nên, hình tượng *Lạc Long Quân - Âu Cơ* chứa đựng nhiều yếu tố Hán hóa (gán với Thần Nông...) khác với *Nữ thần Rắn* (Campuchia) có dòng dõi là *thần Mặt trăng* (Balamôn giáo). Đối với người Campuchia, thờ Rắn là một tín ngưỡng bản địa quan trọng. Nữ thần Rắn tối cao, là tổ tiên thiêng liêng của họ. Đó là biểu tượng phức hợp, gồm nhiều lớp nội dung ý nghĩa. Truyền thuyết kể như sau: chàng Prea Thong gặp nàng công chúa Sôma, con vua Neak. Vua đồng ý cho hai người lấy nhau, đã hút cạn biển để lập một vương quốc mới. Có lần trong khi ngủ, chàng thức giấc, thấy vợ là một con rắn, sợ hãi bỏ chạy. Từ đó sinh ra tục lệ, khi làm lễ cưới phải cưa răng để khỏi trở về lột rắn. Sau đó, đêm đêm, vua phải lên ngọn tháp ở khu cung điện giao hợp với nàng công chúa của thần Rắn, nếu không làm như thế thì tai họa sẽ giáng xuống vương quốc.

Hoàng tử Prea - tinh Mặt trời, công chúa Rắn - tinh Mặt trăng, cũng là môtip phổ biến ở Đông Nam Á ẩn chứa ý niệm lưỡng hợp về những cặp thế lực vừa tương sinh, tương khắc. Đây cũng là cuộc hôn phối của hai tộc người khác nhau. Có thể thấy dấu vết của văn hóa Ấn Độ rất rõ ở huyền thoại này. Đó là sự ảnh hưởng của đạo Balamôn, thờ thần Mặt trời, Mặt trăng. Nàng Sôma như hiện thân của Mặt trăng, mang tính âm, Prea mang tính dương.

Lớp ý nghĩa cao hơn của cặp biểu tượng này là sự phản ánh quan niệm lưỡng hợp giữa hai yếu tố tự nhiên và văn hóa. Tự nhiên ở đây là tín ngưỡng bản địa (thờ Rắn) và yếu tố văn hóa ngoại lai (tôn giáo

Balamôn). Trong đó yếu tố bản địa chiếm vị trí quan trọng, gắn với ý niệm về Nữ tính, về tổ tiên.

Huyền thoại này là sự tương đồng nhất định với “*Huyền thoại Phù Nam*”. Truyện về thầy Balamôn Kaundynia đi sang Đông Nam Á truyền đạo rồi lấy một nàng công chúa làm vợ. Công chúa là Sôma, con gái thần Rắn Naga, sinh ra dòng dõi những người làm vua ở nước Phù Nam. Yếu tố lưỡng hợp giữa tự nhiên và văn hóa rất rõ. Tự nhiên là vua Naga và con gái, văn hóa ngoại lai là biểu tượng của sự phồn thực đất đai. Cuộc hôn nhân là sự hòa hợp, tiếp biến giữa yếu tố ngoại lai và bản địa, đó là yếu tố quyết định sự phồn vinh của đất nước.

Có thể thấy cả “*Huyền thoại Phù Nam*” và “*Nữ thần Rắn*” đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ. Tuy nhiên, yếu tố bản địa vẫn bền vững và làm nên bản sắc văn hóa, đời sống tinh thần của mỗi dân tộc.

2.3.3. Biểu tượng lưỡng hợp gắn với quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Người viết thấy rằng trong hệ thống truyền thuyết vùng Đông Nam Á có một biểu tượng hấp dẫn và độc đáo liên quan đến chủ đề đấu tranh bảo vệ đất nước. Đó là biểu tượng: thanh gươm tháo rời. Trong tâm thức dân gian vùng Đông Nam Á, thanh gươm không phải là một khối duy nhất mà là một khối thống nhất (gồm các bộ phận chuôi, lưỡi và vỏ gươm). Để tạo nên một thanh gươm, người ta phải có một quá trình, mỗi bộ phận của thanh gươm được tạo thành từ những nơi khác nhau: Lưỡi gươm thường ở dưới sông nước (thuộc tính âm), chuôi gươm trên núi rừng (thuộc tính dương)... Các phần đó được tìm thấy một cách ngẫu nhiên, khi lắp lại thì vừa như in. Sự kết hợp kì lạ đó, người ta cho là “*theo ý trời*” (Thuận thiên) và từ đó Thanh gươm cùng với người anh hùng sẽ là nguồn cổ vũ động viên nhân dân đứng lên khởi nghĩa, giành độc lập. Sau khi thắng lợi, thì người anh hùng (nhà vua) đem các phần của thanh gươm chia ra các vùng miền khác nhau, mỗi nơi giữ một bộ phận, khi nào có giặc, lại đem đến.

Có thể nhận thấy chủ đề của những dạng truyện này là ca ngợi tinh thần đoàn kết chiến đấu, chủ nghĩa anh hùng tập thể, sự gắn bó, cố kết giữa các cộng đồng. Môtíp này cũng nằm trong hệ thống biểu tượng lưỡng hợp. Vùng Đông Nam Á có nhiều truyện dạng này như: *Thanh gươm tháo rời (Indônêxia)*, “*Truyện thuyết Hồ Gươm*”, *Lưỡi gươm ông Tú (Việt Nam)*...

Truyện của Indônêxia có liên quan đến quá trình hình thành đất nước này. Sau khi thắng trận, ba người anh hùng lên làm vua, chia gươm cho nhau và hẹn sau này có giặc thì cùng đến hợp sức giết giặc. Mỗi vị vua giữ một bộ phận của thanh gươm, cai quản mỗi hòn đảo của vương quốc. [4/80]

Câu chuyện phản ánh quá trình thống nhất đất nước Indônêxia. Mỗi vị vua cai trị một hòn đảo nhỏ phản ánh thời kì hình thành các quốc gia nhỏ, các vùng lãnh thổ tự trị của người Indônêxia. Một ông vua muốn đánh chiếm các nước khác phản ánh quá trình xung đột và thôn tính giữa các tiểu quốc gia để thống nhất đất nước. Thanh gươm được lắp lại với nhau thể hiện sự đồng lòng, nhất trí của tinh thần và sức mạnh toàn dân tộc. Mỗi vị vua cai trị một vùng, mỗi bộ phận của thanh gươm đến từ các vùng miền khác nhau, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân nơi đây.

3. Kết luận

Biểu tượng lưỡng hợp là một sản phẩm tinh thần đẹp đẽ của tư duy lưỡng hợp - đặc trưng của cư dân trồng lúa nước. Đó là cảm quan, nhận thức mang tính triết học và nghệ thuật. Những điều đó được lắng đọng, kết tinh qua những sáng tạo sinh động và giàu cảm xúc của dân gian. Những biểu tượng đó không phải mờ mà ngày càng khắc sâu trong tâm hồn con người. Chúng kết tinh thành hệ thống và phát triển không ngừng: từ *Trời - Đất, Âm - Dương, Trăng - Sao, Núi - Nước* đến *Trầu - Cau, Thuyền - Bến*... Những biểu tượng đó là minh chứng cho quá trình phát triển của lịch sử văn hóa của mỗi cộng đồng và của khu vực, vừa mang nét đặc trưng riêng biệt vừa thống nhất với nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đức Dương, *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013;
2. Đinh Gia Khánh, *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993;
3. Đức Ninh, *Về một số vấn đề văn hóa dân gian Đông Nam Á*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2008;
4. Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát, *Truyện cổ dân gian Đông Nam Á*, tập 1, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 1998;
5. Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát, *Truyện cổ dân gian Đông Nam Á*, tập 2, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 1998.

Dual symbols in Asian folktales

Nguyen Viet Hung

Article info

Received:

02/7/2017

Accepted:

10/3/2018

Keywords:

South East Asia;

Dual symbols.

Abstract

Southeast Asia is a distinct geographic-cultural region, one of the cradles of human civilization. The regional approach to Southeast Asia has been booming, suggesting a wide range of scientific issues, in which regional approaches through the symbolic system help us to understand the collective consciousness. Southeast Asian culture is not only single but also couple symbols - we call it duality - as a result of the particular thinking of the area: Thinking dualism. In this article we explore how Southeast Asian folklore creates dualistic symbols in Southeast Asian tale and their meaning, linked to specific, distinct cultures.